

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE**1. Thông tin chung**

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: CÔNG TY HỮU HẠN CHẾ TẠO CÔNG NGHIỆP VÀ GIA CÔNG CHẾ BIẾN HÀNG XUẤT KHẨU VIỆT NAM (VMEP)
- 1.2. Địa chỉ: KP 5, Phường Tam Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh/~~Xe gắn máy 2 bánh~~/loại xe khác⁽¹⁾
- 1.4. Nhãn hiệu: SYM
- 1.5. Tên thương mại: ---
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): NAGA 150-VSK
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 10013/VAQ06-01/25-00
- 1.8. Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 7041 /NETC-M/25/C ngày: 12/02/2025

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 137 kg
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 267 kg
- 2.3. Động cơ
- 2.3.1. Kiểu động cơ: SYM VMVSK
- Loại động cơ: xăng 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng không khí
- 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 149,6 cm³
- 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 10,6 kW / 8000 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/ khác:⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
- 2.5.1. Điều khiển: ~~Cơ khí~~/⁽¹⁾Tự động.
- 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: Vô cấp.
- 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,910~0,740
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 9,600
- 2.7. Lốp
- 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 120/70-13 MC áp suất: 177 kPa
- 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 130/70-13 MC áp suất: 221 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 107 km/h



3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ TCVN 7358:2010/ TCVN 9726:2013/.....⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 2,26 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

.....
.....
.....

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

Công Ty VMEP

Giám Đốc *hau*



Wan Chu

HUANG WAN CHU

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phân không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm